

**TCVN 7208 : 2002**

**CHẤT ĐỘC HẠI TRONG XĂNG ĐỘNG CƠ**

*Hazardous materials in motor gasoline*

HÀ NỘI - 2002

## Lời nói đầu

TCVN 7208 : 2002 do Tiểu ban kỹ thuật TCVN/TC 28/SC 5 "*Chất độc hại trong xăng*" biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng xét duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

## Chất độc hại trong xăng động cơ

*Hazardous materials in motor gasoline*

### 1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này qui định giới hạn cho phép các chất độc hại chính trong xăng động cơ ảnh hưởng đến sức khỏe con người và môi trường sinh thái.

### 2 Tiêu chuẩn viện dẫn

TCVN 2708 : 2002 (ASTM D 1266) Sản phẩm dầu mỏ - Phương pháp xác định hàm lượng lưu huỳnh (phương pháp đốt đèn).

TCVN 6703 : 2000 (ASTM D 3606) Xăng máy bay và xăng ô tô thành phẩm - Xác định hàm lượng benzen và toluen trong xăng bằng phương pháp sắc ký khí.

TCVN 6704 : 2000 (ASTM D 5059) Xăng, phương pháp xác định hàm lượng chì bằng phổ tia X.

TCVN 6777 : 2000 (ASTM D 4057) Dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ - Phương pháp lấy mẫu thủ công.

TCVN 7143 : 2002 (ASTM D 3237) Xăng - Phương pháp xác định hàm lượng chì bằng phổ hấp thụ nguyên tử.

ASTM D 1319 Standard test method for hydrocarbon types in liquid petroleum products by fluorescent indicator adsorption (Phương pháp xác định hàm lượng hydrocarbon trong sản phẩm dầu mỏ dạng lỏng bằng hấp phụ chỉ thị huỳnh quang).

ASTM D 3831 Standard test method for manganese in gasoline by atomic absorption spectroscopy (Phương pháp xác định hàm lượng mangan trong xăng bằng phương pháp hấp thụ nguyên tử).

ASTM D 4815 Test method for determination of C<sub>1</sub> to C<sub>4</sub> alcohols and MTBE in gasoline by gas chromatography (Phương pháp xác định hàm lượng rượu từ C<sub>1</sub> đến C<sub>4</sub> và MTBE trong xăng bằng phép sắc ký khí).

### 3 Hàm lượng chất độc hại

Giới hạn hàm lượng chất độc hại chính trong xăng động cơ được qui định trong bảng 1.

**Bảng 1 - Giới hạn hàm lượng chất độc hại trong xăng động cơ**

Tên chất độc hại	Mức	Phương pháp thử
1. Benzen, % thể tích, không lớn hơn	5	TCVN 6703 : 2000 (ASTM D 3606)
2. Hydrocacbon thơm, % thể tích, không lớn hơn	40	ASTM D 1319
3. Mangan, g/l, không lớn hơn	0,018	ASTM D 3831
4. Chì, g/l, không lớn hơn	0,013	TCVN 6704 : 2000 (ASTM D 5059)/ TCVN 7143 : 2002 (ASTM D 3237)
5. Lưu huỳnh, % khối lượng, không lớn hơn	0,15	TCVN 2708 : 2002 (ASTM D 1266)
6. MTBE*, % thể tích, không lớn hơn	10	ASTM D 4815
7. Methanol, % thể tích, không lớn hơn	0,3	ASTM D 4815
* Methyl Tertiary Butyl Ether.		

### 4 Phương pháp thử

4.1 Lấy mẫu: Theo TCVN 6777 : 2000 (ASTM D 4057).

4.2 Phương pháp thử: Các phương pháp thử ứng với từng chất độc hại được qui định trong bảng 1.